TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2023/HC-PT
Ngày: 23/6/2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường và hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Phạm Tồn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 367/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường và hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2313/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Huỳnh Minh L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Minh L: Ông Đoàn Cửu V, Luật sư Công ty luật TNHH MTV K - Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

- ***Người bị kiện:***

+ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố T và Chủ tịch

UBND thành phố T: Ông Nguyễn Phúc Khoa H - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Ph - Phó Chủ tịch, vắng mặt.

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc Khoa H - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn Ph - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Hợp tác xã Nông nghiệp Kinh doanh Dịch vụ PL; địa chỉ: Khu phố 1, phường P1, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1947 và bà Châu Thị H2, sinh năm 1948. Địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (ông T1 có mặt; bà H2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Minh L1; sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Văn K1; sinh năm 1938; địa chỉ: Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Huỳnh Minh L trình bày:

Trước năm 1975, ông nội ông Huỳnh Minh L là Huỳnh Duy có tạo lập một thửa đất khoảng 1.868,5m^2 (thuộc thửa số 242, tờ bản đồ số 7, đo đạc năm 1997) tọa lạc tại khu phố 3, phường P, tp T có tứ cận như sau:

Phía đông giáp: sân phơi lúa số 4 Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn PL (cũ) nay là phường P, thành phố T.

Phía tây giáp đất ông Huỳnh Văn K1

Phía nam giáp đất ông Huỳnh Văn K1

Phía bắc giáp đất ông Huỳnh Tài Sĩ nay là đất ông Huỳnh Tài Chánh.

Năm 1970, ông nội cho mảnh đất trên cho cha ông L là ông Minh Tiên để tạo lập và xây dựng nhà ở. Vì điều kiện đơn chiếc, lụt ngập đường nên nhà bị sập đổ không có tiền xây cất lại nên cha ông L vẫn để nguyên để trồng trọt và chăn nuôi trên thửa đất này và đi nơi khác cất nhà. Sau giải phóng năm 1975, cha ông

L vẫn sử dụng và sinh sống trên mảnh đất này cho đến nay không ai tranh chấp. Trong quá trình sử dụng đất thì cha ông L có xây dựng láng, chuồng trại để chăn nuôi và trồng trọt.

Đến năm 2006, cha ông L có xin phép phường PL cũ (nay là phường P) để xây dựng nhà trên mảnh đất này. Sau đó, cha ông L tặng cho toàn bộ căn nhà và diện tích đất nói trên cho ông L toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Từ đó cho đến nay ông L tiếp tục sử dụng, trồng trọt và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Ngày 28/12/2009, UBND thành phố T ra Quyết định số 5438/QĐ-UBND *về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thi công công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1* trong đó gia đình ông L thuộc diện được hỗ trợ. Cũng trong ngày 28/12/2009, ông L nhận Thông báo số 90/TB-HĐBT của Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T về việc *"Chi trả tiền bồi thường để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1 và bản kê khai chi tiết được bồi thường hỗ trợ của Hội đồng BTHT&TĐC thành phố Tuy Hòa"*. Theo bản kê khai chi tiết này thì Hội đồng BTHT&TĐC chỉ xem xét bồi thường 60% giá trị tài sản.

Do phương án bồi thường không thỏa đáng nên ông L đã nhiều lần làm đơn khiếu nại, đơn cứu xét gửi đến các cơ quan liên quan để yêu cầu bồi thường đất và xem xét giá bồi thường 100% như những hộ dân lân cận đất của ông L nhưng không được các cơ quan xem xét và giải quyết.

Ngày 24/4/2020, UBND thành phố T có tổ chức vận động ông L nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng để nhà nước thực hiện dự án nhưng ông L không đồng ý. Đến ngày 09/7/2020, ông L nhận được Công văn số 3268/UBND ngày 02/7/2020 của UBND thành phố T về việc cung cấp thông tin nhận tiền hỗ trợ cho ông L, theo nội dung công văn này thì gia đình ông L được bồi thường hỗ trợ với tổng số tiền là 63.636.820 đồng *(trong đó hỗ trợ 60% nhà cửa, vật kiến trúc là 50.688.320 đồng và cây cối, hoa màu là 12.948.500 đồng)*.

Ông Huỳnh Minh L khởi kiện vụ án hành chính đối với các yêu cầu sau:

Hủy Thông báo số 90/TB-HĐBT ngày 20/12/2009 của Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T, tỉnh Phú Yên về việc chi trả tiền bồi thường để thực hiện công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1.

Hủy Công văn số 3268/UBND ngày 02/7/2020 của UBND thành phố T về việc cung cấp thông tin nhận tiền hỗ trợ;

Yêu cầu UBND thành phố T, Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T phải lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho hộ gia đình ông Huỳnh Minh L tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 7, đo đạc năm 1997 tại phường P, thành phố T theo đúng quy định pháp luật.

Đề nghị xem xét Bảng kê chi tiết giá trị đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ

mả, cây cối, hoa màu được bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình: Khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1 ngày 20/10/2009 của ông Huỳnh Minh L tại phường P, thành phố T.

Đề nghị xem xét Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình hạ tầng khu đô thị mới Nam T (giai đoạn 1) thuộc dự án hạ tầng Nam TV ngày 24/12/2009 của UBND thành phố T đối với hộ ông Huỳnh Minh L tại phường P, thành phố T.

Theo tài liệu có tại hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện trình bày *(Theo văn bản số 5716/UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố T):*

Việc ông Huỳnh Minh L khởi kiện Thông báo số 90/TB-HĐBT ngày 28/12/2009 của Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T, tỉnh Phú Yên về việc chi trả tiền bồi thường để thực hiện công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1 và Công văn số 3268/UBND ngày 02/7/2020 của UBND thành phố T về việc cung cấp thông tin nhận tiền hỗ trợ là hết thời hiệu khởi kiện tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Công văn số 1807/UBND ngày 07/4/2022 của UBND thành phố T có nội dung như sau:

Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 23, diện tích 643,6m^2 do ông Huỳnh Minh L kê khai là đất nông nghiệp do UBND phường P quản lý. Vì:

Căn cứ Tờ bản đồ số 7, lập năm 1997 và sổ dã ngoại năm 1997, thể hiện thửa đất số 242, diện tích 1.873m^2, loại đất "TC", không ghi chủ sử dụng nên xác định thửa đất này không do ông L quản lý.

Căn cứ bản đồ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường khu đô thị Nam T năm 2005 và sổ dã ngoại năm 2005 thì thửa đất số 242, tờ bản đồ số 23, diện tích 643,6m^2, loại đất "ĐM" (đất trồng cây hàng năm) do ông Huỳnh Văn Toàn kê khai và thửa đất số 50, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.018,5m^2 do ông Huỳnh Minh T1 kê khai. Ông Huỳnh Văn K1 (là em trai ông Huỳnh Minh T1) đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu, vật kiến trúc có trên đất và đã bàn giao mặt bằng cho nhà nước. Còn thửa đất 49 tờ bản đồ số 23, diện tích 1.018,5m^2 do ông Huỳnh Văn Toàn kê khai, thực tế nguồn gốc đất là đất nông nghiệp, do ông Huỳnh Minh L sử dụng và xây dựng nhà cho em trai Huỳnh Văn Toàn ở nhờ, thời điểm xây dựng các cơ quan chức năng không lập biên bản xử phạt hành chính. Ông Huỳnh Minh L không đủ điều kiện xét tái định cư theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT- BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên & Môi trường; hiện trạng giải tỏa 643,6m^2 (giải tỏa toàn bộ). Đến thời điểm hiện tại, ông L không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng đã bàn giao mặt bằng cho Nhà nước; ông L đã có nơi ở khác (tại đường Ngô Gia Tự, phường P, thành phố T).

Qua làm việc với các ông Huỳnh Minh L1 - nguyên giám đốc HTX, ông Nguyễn Công T3 - nguyên trưởng ban kiểm soát HTX và ông Nguyễn Nh - nguyên đội trưởng Đội sản xuất HTX nông nghiệp thị trấn PL thì các ông trình bày: Năm 1976 (trước khi HTX thành lập), khu vực thửa đất ông Huỳnh Minh L sử dụng là do Đội ươm và trồng rừng thuộc Sở lâm nghệp (cũ) sử dụng. Đến năm 1979 (khoảng vụ 8), thành lập HTX thị trấn PL, gồm

hơn 30 đội, trong đó ông Nh là đội trưởng Đội sản xuất số 23, Khu vực có thửa đất ông L sử dụng thuộc đội sản xuất số 24 quản lý do ông Huỳnh Thúc K1 làm Đội trưởng. Khi thực hiện Nghị định 64/CP, HTX tiến hành chia lại đội, tổ, trong đó đội 23-24-25 hợp thành Đội 11 do ông Huỳnh Thúc K1 làm đội trưởng. Năm 1987, ông Nh thôi làm việc ở HTX và chuyển sang làm cán bộ thu thuế của khu phố. Ông Nh cho biết khu vực có thửa đất ông L sử dụng không thu thuế đất ở.

Qua làm việc với Hội đồng xét công nhận hạn mức đất ở cho những hộ dân bị ảnh hưởng trong khu vực quy hoạch khu đô thị mới Nam thành phố T giai đoạn 1 (gọi tắt là Hội đồng xét công nhận hạn mức đất ở) thì theo ông Đặng Hữu K2 - nguyên Bí thư Đảng ủy phường P và ông Huỳnh Thúc K1 - nguyên Đội trưởng Đội sản xuất HTX Nông nghiệp thị trấn PL (cũ) trình bày: Khoảng từ vụ 8 năm 1979 thành lập HTX PL thì toàn bộ đất HTX quản lý, khu đó HTX có sử dụng vườn ươm cây giống (cây dương). Khi không làm vườn ươm dương nữa thì HTX vẫn quản lý.

Các thành viên Hội đồng xét công nhận hạn mức đất ở đều thống nhất khẳng định thửa đất ông Huỳnh Minh L sử dụng là đất của nhà nước quản lý.

Ngoài ra, ngày 27/5/2009, UBND phường P tổ chức họp xét đối với các hộ dân bị ảnh hưởng trong khu quy hoạch nói trên. Hội đồng xét công nhận hạn mức đất ở quy định: Những hộ đã có nhà ở ổn định thì không đủ điều kiện xét tái định cư. Do đó, vì ông Huỳnh Minh L đã có nơi ở khác nên Hội đồng thống nhất trường hợp ông L không đủ điều kiện xét tái định cư.

Qua làm việc với ông Trương D - Giám đốc HTX Nông nghiệp - Kinh doanh dịch vụ PL thì ông Dân trình bày: Theo phương án sản xuất nông nghiệp năm 2006, số thứ tự 209 ông Huỳnh Minh T1 và số thứ tự 210 ông Huỳnh Văn K1. Cụ thể:

Ông Huỳnh Minh T1 sử dụng với:

Thửa đất số 604, diện tích 347m^2 loại đất "M" (màu) thuộc xứ đồng Sáu Thượng, thu phí 2.000đ;

Thửa đất số 494/1 diện tích 1.852m^2 loại đất "TC" (tự chảy) thuộc xứ đồng Cái Nhợ, thu phí 128.000đ;

Thửa đất số 494/2 diện tích 23 5m^2 loại đất "M" (màu) thuộc xứ đồng Sáu Thượng, thu phí 2.000đ;

Ông Huỳnh Văn K1 sử dụng đối với:

Thửa đất số 605 diện tích 32lm^2 loại đất "M" (màu) thuộc xứ đồng Sáu Thượng, thu phí 2.000đ;

Thửa đất số 01/1 diện tích 1.046m^2 loại đất "TC" (tự chảy) thuộc xứ đồng Cái Nhọ, thu phí 72.000đ;

Thửa đất số 01/2 diện tích 513m^2 loại đất "TC" (tự chảy) thuộc xứ đồng Cái Nhợ, thu phí 35.000đ;

Thửa đất số 493 diện tích 819m^2 loại đất "TC" (tự chảy) thuộc xứ đồng Cái Nhợ, thu phí 56.500đ;

Ông Trương D khẳng định các thửa đất do ông Huỳnh Minh T1 và ông Huỳnh Văn K1 sử dụng sản xuất trong sổ phương án sản xuất năm 2006 của Sổ bộ Đội sản xuất số 11 không phải là thửa đất số 242 diện tích 1.873m^2 loại ruộng "TC" trong sổ dã ngoại lập trước thời điểm nhà nước ban hành Nghị định 64-CP. Thửa đất số 242 diện tích 1.873m^2 loại đất "TC" không ghi chủ sử dụng vì thửa đất này HTX không giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng sản xuất để thu phí dịch vụ. Do đó thửa đất số 242 diện tích 1.873m^2 do HTX quản lý.

Qua làm việc với Chi cục thuế thành phố T cho biết: Trường hợp ông Huỳnh Minh L khu phố 5, phường P:

Năm 2008, lập bộ thuế nhà, đất tên Huỳnh Minh L, diện tích 300m^2, số thuế lập bộ 56.100đ/năm, nộp thuế ngày 19/5/2008 số tiền 56.100đ/năm;

Từ năm 2009-2011, lập bộ thuế nhà, đất tên Huỳnh Minh L, diện tích 300m^2, số thuế lập bộ 82.500đ/năm;

Từ năm 2012-2021, không kê khai nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại phường P.

Từ các cơ sở nêu trên, xác định thửa đất số 49, tờ bản đồ số 23, diện tích 643,6m^2 do ông Huỳnh Minh L kê khai là đất nông nghiệp do UBND phường P quản lý. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T trình bày:

Ngày 30/6/2009, UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1206/QĐ-UBND *về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T (giai đoạn 1) thuộc hạ tầng Nam T - Vũng Rô.*

Ngày 28/12/2009, UBND thành phố T phê duyệt phương án BTHT&TĐC tại Quyết định số 5438/QĐ-UBND có tổng số 421 hộ bị ảnh hưởng, tổng diện tích đất bị thu hồi: 183,8ha với số tiền 46.196.380.308đồng. Trong đó: ông Huỳnh Minh L - Địa chỉ: Khu phố 5, phường P, thành phố T bị thu hồi các thửa đất sau:

Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 17, diện tích 710,9m^2, loại đất nông nghiệp do UBND phường P quản lý;

Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 17, diện tích 580m^2, loại đất nông nghiệp do UBND phường P quản lý;

Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 17, diện tích 118,9m^2, loại đất nông nghiệp do UBND phường P quản lý;

Thửa đất số 49, tờ bản đồ 23, diện tích 643,6m^2, loại đất nông nghiệp do UBND phường P quản lý;

Bà Trần Thị Minh L1 (vợ ông Huỳnh Minh L); địa chỉ: Khu phố 5, phường P thành phố T bị thu hồi thửa đất sau:

Thửa đất số l00a, l00b tờ bản đồ số 23, diện tích 201,5m^2 (trong đó diện tích đất ở đô thị 150m^2, diện tích đất trồng cây hàng năm khác 54,5m^2).

Ngày 28/12/2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định 5438/QĐ-UBND theo đó: Ông Huỳnh Minh L không được bồi thường về đất, không đủ điều kiện xét tái định cư (có nơi ở khác tại đường Ngô Gia Tự, phường P thành phố T) được bồi thường với tổng số tiền 63.636.820 đồng đối với các thửa đất 47, 49, 50, 206 tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 49 tờ bản đồ số 23, trong đó hỗ trợ 60% nhà cửa, vật kiến trúc là 50.688.320 đồng và cây cối, hoa màu là 12.948.500 đồng. Hiện nay, ông Huỳnh Minh L chưa nhận số tiền này.

Bà Trần Thị Minh L1 được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 106.594.818 đồng (trong đó bồi thường về đất 35.518.200 đồng; bồi thường nhà ở, vật kiến trúc: 54.476.618 đồng; bồi thường cây cối, hoa màu 16.600.000 đồng). Bà L1 đã nhận số tiền bồi thường này, bà L1 đã nhận đất tái định cư (theo thông báo số 611/TB-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Phú Yên).

Theo bản đồ địa chính khu vực thu hồi giai đoạn 1 - Dự án hạ tầng khu đô thị mới Nam T, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên, tỷ lệ 1:2000 tổng diện tích 183.8002ha do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên & Môi trường lập ngày 12/12/2008 được Sở Tài nguyên & Môi trường ký xác nhận ngày 25/3/2009, thể hiện thửa đất số 49 tờ bản đồ số 23, diện tích 643,6m^2 loại đất BHK.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - UBND phường P trình bày:

Căn cứ hồ sơ quản lý nhà nước của phường P thể hiện:

Theo sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất năm 1992 tại vị trí đất của ông Huỳnh Minh L đang sử dụng không thể hiện trong hồ sơ quản lý nhà nước.

Theo bản đồ năm 1997 và sổ dã ngoại năm 1997, thửa đất này nằm trong một phần thửa đất số 242, tờ bản đồ số 7, loại đất TC, diện tích 1.873m^2, không chủ sử dụng.

Bản đồ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường khu đô thị Nam T năm 2005 (thửa đất sô 242, tờ bản đồ số 7) được tách ra thành 02 thửa đất, gồm: thửa số 50, diện tích 1.018,5m^2, tờ bản đồ số 23 do ông Huỳnh Văn K1 kê khai (ông K1 đã nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu vật kiến trúc có trên đất và đã bàn giao mặt bằng cho nhà nước); thửa đất số 49, diện tích 643,6m^2, tờ bản đồ số 23 do ông Huỳnh Minh L kê khai.

Vì vậy, thửa đất số 49, diện tích 643,6m^2, tờ bản đồ số 23 do ông Huỳnh Minh L kê khai bị ảnh hưởng Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam T (giai đoạn 1) là đất do UBND phường P quản lý.

Việc ông Huỳnh Minh L khai là UBND phường P có xác nhận Đơn xin xác nhận nhà ở đề ngày 24/7/2008, ngày 21/12/2021, UBND phường P đã mời ông Phạm Ngọc Thắng - nguyên chủ tịch UBND phường P để làm việc:

Theo ông Thắng trình bày: Tại đơn xin xác nhận đề ngày 24/7/2008 của ông Huỳnh Minh L, UBND phường P xác nhận *"Hộ ông Huỳnh Minh L thường trú Công an tỉnh Phú Yên có nhà ở khu phố 5 (nay là khu phố 2) phường P là do cha mẹ cho là đúng. Nằm trong quy hoạch 394ha khu đô thị Nam T nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, kính chuyển xem xét tách hộ cho ông L.* Nội dung này do cán bộ địa chính phường kiểm tra và tham mưu cho phường xác nhận. Việc ông Thắng ký xác nhận vào đơn này cho ông L là để ông L được tách khẩu tập thể Công an tỉnh Phú Yên về nhập khẩu tại phường P và để được sử dụng điện, nước.

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T: thống nhất ý kiến của UBND thành phố T, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T trình bày: thống nhất ý kiến của UBND thành phố T, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Huỳnh Văn K1 trình bày: Nguyên nguồn gốc đất thửa số 50, diện tích 1.018,5m^2, tờ bản đồ số 23 là của ông Huỳnh Duy cho em trai Huỳnh Minh T1, sau đó ông Huỳnh Minh T1 cho lại ông Huỳnh Minh L và ông L thực hiện việc đóng thuế cho nhà nước. Trong quá trình sử dụng thửa đất này, ông K1 có trồng một số cây dừa và bụi tre, đến khi nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án thì Nhà nước có bồi cây trồng cho ông K1 và ông K1 đã bàn giao mặt bằng lại cho nhà nước. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L thì ông không có ý kiến gì, ông không có yêu cầu bồi thường về giá trị đất đối với thửa đất này; giả sử nếu ông L được nhà nước bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với thửa đất này thì ông cũng không có khiếu nại gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Hợp tác xã Nông nghiệp Kinh doanh Dịch vụ PL: quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - vợ chồng ông Huỳnh Minh Tiên, bà Châu Thị H2: thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Minh L1 (vợ ông L): thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L và có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022(và Quyết định sửa chữa bản án số 208/2022/QĐ-TA ngày 11/11/2022) của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Áp dụng Điều 30, 32, 116, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 và 358 Luật tố tụng hành chính; Điều 39, 40 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 75, Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013, Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/ƯBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L đối với các yêu cầu:

Hủy Thông báo số 90/TB-HĐBT ngày 28/12/2009 của Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T, tỉnh Phú Yên về việc chi trả tiền bồi thường để thực hiện công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa - Giai đoạn 1.

Hủy Bảng kê chi tiết giá trị đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả, cây cối, hoa màu được bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình: Khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1 ngày 20/10/2009 của hộ gia đình ông Huỳnh Minh L tại phường P, thành phố T.

Hủy một phần Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình hạ tầng khu đô thị mới Nam T (giai đoạn 1) thuộc dự án hạ tầng Nam TV ngày 24/12/2009 của UBND thành phố T (phần đối với hộ gia đình ông Huỳnh Minh L thửa đất số 242, tờ bản đổ số 7, đo đạc năm 1997 tại phường P, thành phố T).

Hủy Công văn số 3268/UBND ngày 02/7/2020 của UBND thành phố T về việc cung cấp thông tin nhận tiền hỗ trợ;

Buộc UBND thành phố T, Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T phải lập phương án thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho hộ gia đình ông Huỳnh Minh L tại thửa đất số 242, tờ bản đồ số 7, đo đạc năm 1997 tại phường P, thành phố T theo đúng quy định pháp luật.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc xét tái định cư cho ông Huỳnh Minh L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2023, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND thành phố T là ông Cao Đình Huy có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Thông báo số 90/TB-HĐBT ngày 28/12/2009 của Hội đồng BTHT&TĐC thành phố T, tỉnh Phú Yên về việc chi trả tiền bồi thường để thực hiện công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1; Công văn số 3268/UBND ngày 02/7/2020 của UBND thành phố T về việc cung cấp thông tin nhận tiền hỗ trợ; Bảng kê chi tiết giá trị đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả, cây cối, hoa màu được bồi thường, hỗ trợ để xây dựng công trình Khu đô thị mới Nam thành phố T - Giai đoạn 1 ngày 20/10/2009 của hộ gia đình ông Huỳnh Minh L tại phường P, thành phố T; Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để xây dựng công trình hạ tầng khu đô thị mới Nam T (giai đoạn 1) thuộc dự án hạ tầng Nam TV ngày 24/12/2009 của UBND thành phố T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

Theo sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất năm 1992, tại vị trí đất của ông Huỳnh Minh L đang sử dụng không thể hiện trong hồ sơ quản lý nhà nước. Theo Tờ bản đồ số 7, lập năm 1997 và sổ dã ngoại năm 1997, thể hiện thửa đất số 242, diện tích 1.873m^2, loại đất "TC", không ghi chủ sử dụng. Theo bản đồ địa chính thể hiện thửa số 242 có ký hiệu ODT, còn trong Sổ dã ngoại có ký hiệu TC. Trong khi đó các thửa liền kề với thửa đất này đều có ký hiệu BHK, KSC. Theo Tờ bản đồ thành lập bằng phương pháp toàn đạc năm 1997 hệ tọa độ HN72 do Trung tâm trắc địa bản đồ biển đo đạc tại thị trấn PL, huyện T (nay là phường P, thành phố T) tại D49-99 (304-D) là thửa 242, diện tích 1873m^2, loại đất "Thổ cư".

Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường khu đô thị Nam T năm 2005 (thửa đất số 242, tờ bản đồ số 7) được tách ra thành 02 thửa đất, gồm: thửa số 50, diện tích 1.018,5m^2, tờ bản đồ số 23 do ông Huỳnh Văn K1 kê khai (ông K1 đã nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu vật kiến trúc có trên đất và đã bàn giao mặt bằng cho nhà nước); thửa đất số 49, diện tích 643,6m^2, tờ bản đồ số 23 do ông Huỳnh Minh L kê khai.

Mặt khác, tại đơn xin xác nhận đề ngày 24/7/2008 của ông Huỳnh Minh L, UBND phường P xác nhận "*Hộ ông Huỳnh Minh L thường trú Công an tỉnh Phú Yên có nhà ở khu phố 5 (nay là khu phố 2) phường P là do cha mẹ cho là đúng. Nằm trong quy hoạch 394ha khu đô thị Nam T nhưng chưa có quyết định thu hồi đất, kính chuyển xem xét tách hộ cho ông L".* Nội dung này do cán bộ địa chính phường kiểm tra và tham mưu cho phường xác nhận. Theo đơn xin xây dựng nhà ở của ông Huỳnh Minh T1 được Chủ tịch UBND phường PL xác nhận ngày 24/11/2006: ông T1 có nhà ở tại Khu phố 5, phường PL và thực tế trên đất có nhà ở của ông T1 (cha ông L) xây dựng không bị xử phạt vi phạm hành chính về việc lấn chiếm đất công, xây dựng nhà trái phép.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2022, hiện trạng thửa đất ông Huỳnh Minh L đang khởi kiện đã được giải phóng mặt bằng nên không tiến hành đo đạc hiện trạng và kiểm tra tài sản, vật kiến trúc và cây trồng trên đất. Tuy

nhiên, căn cứ vào các hình ảnh người khởi kiện ông Huỳnh Minh L cung cấp về hiện trạng thửa đất của ông L trước khi giải phóng mặt bằng bàn giao cho nhà nước thì có 01 ngôi nhà cấp 4 và một số cây dừa lâu năm.

Như vậy các chứng cứ nêu trên phù hợp với lời xác nhận của những người làm chứng, cụ thể:

Ông Trương D - Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp Kinh doanh Dịch vụ PL trình bày (ngày 29/7/2020): Đất của ông Huỳnh Minh T1 không có trong phương án sản xuất nông nghiệp.

Ông Nguyễn Thanh V và ông Lê B - đại diện Đội trồng rừng Đông Tác xác nhận vào ngày 23/7/2020: Năm 1976, Đội trồng rừng có mượn đất của ông T1 để ươm cây dương, năm 1979 Đội giải thể nên trả lại đất cho ông T1;

Ông Phạm Văn B - nguyên Đội trưởng Đội sản xuất số 25 thị trấn PL cùng với 07 nhân chứng là người địa phương ký xác nhận vào ngày 27/6/2010 có nội dung: đất nêu trên là của ông T1 sử dụng từ trước năm 1975, thời điểm năm 1997 trên đất đã có 01 căn nhà cấp 4 của ông T1 với diện tích khoảng 20m^2.

Đối với việc UBND thành phố T cho rằng: Một số cán bộ Hợp tác xã xác định trước khi thành lập Hợp tác xã đất này do Đội ươm cây giống thuộc Sở Nông nghiệp sử dụng làm vườn ươm. Sau khi thành lập Hợp tác xã, đất này Hợp tác xã tiếp tục sử dụng làm vườn ươm, sau không làm vườn ươm thì Hợp tác xã vẫn quản lý và sau đó do UBND phường quản lý. Tuy nhiên, Hợp tác xã và UBND phường PL không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của Hợp tác xã và được chuyển giao cho UBND phường; đất này cũng không thuộc quỹ đất công ích của phường PL (nay thuộc P).

Xem xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định nguồn gốc đất được gia đình ông Huỳnh Minh L liên tục sử dụng từ trước năm 1993 cho đến khi bị thu hồi đất, không phải đất thuê; Trên đất được xây dựng nhà ở từ năm 1997; Trong hồ sơ quản lý đất đai xác định loại đất thổ cư (TC). Người bị kiện UBND thành phố T cho rằng đất thuộc quyền quản lý của UBND phường P, nhưng không có tài liệu, chứng cứ xác định thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND phường P.

Từ những căn cứ nêu trên, thấy rằng việc UBND thành phố T cho rằng thửa đất số 242, diện tích 1.873m^2, loại đất "TC", tờ bản đồ số 7, đo đạc năm 1997 tại phường P là đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý nên không tiến hành các thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng cho ông Huỳnh Minh L là không đúng.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy không có thêm tình tiết gì do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo , giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã đề nghị.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/ 2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí phúc thẩm hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000268 ngày 07 tháng 10 năm 2022.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp